

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2025/DS-ST

Ngày: 23 - 4 - 2025

V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Trường An

Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 866/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Hồng N, sinh năm 1992; Cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Hồ Hoàng D, sinh năm 1989; Cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh C. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Tăng Tổ V, sinh năm 1987; Cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh C. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Hồng N trình bày:

Bà Hồ Hoàng D làm chủ hụi, bà có tham gia các dây hụi cụ thể như sau:

- Ngày 01/4/2021 âm lịch, bà D mở hụi loại 5.000.000 đồng, gồm 22 phần, mỗi tháng khai một lần, bà tham gia 01 phần. Ngày 24/8/2022 âm lịch, bà D đình hụi (Bãi hụi). Đến thời điểm này bà đã đóng được 17 kỳ hụi sống, với tổng số tiền vốn hụi là 59.500.000 đồng.

- Ngày 25/9/2021 âm lịch, bà D mở hụi loại 5.000.000 đồng, gồm 28 phần, mỗi tháng khai một lần, bà tham gia 01 phần. Ngày 24/8/2022 âm lịch, bà D đình hụi (Bãi hụi). Đến thời điểm này bà đã đóng được 11 kỳ hụi sống, với tổng số tiền vốn hụi là 39.000.000 đồng.

- Sau khi đình hui, vào ngày 29/9/2022 bà D tự tay viết xác nhận cho bà, theo đó đối với dây hui mở ngày 01/4 bà D nợ bà số tiền 85.000.000 đồng (Bao gồm vốn và lãi hui) và dây hui mở ngày 25/9 bà D nợ bà số tiền 55.000.000 đồng (Bao gồm vốn và lãi hui).

- Bà D mở hui trong thời kỳ hôn nhân với ông Tăng Tố V (Ông V cùng bà D khai hui, nhận tiền, giao tiền hui) nên đây là nghĩa vụ về tài sản chung của bà D và ông V đối với bà. Nay bà yêu cầu bà D và ông V liên đới trả cho bà vốn hui của 02 dây hui nêu trên số tiền 98.500.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Hồ Hoàng D: Tại Biên bản làm việc ngày 03/4/2025 bà D xác định: Giấy xác nhận ngày 29/9/2022 mà bà N cung cấp là do bà D trực tiếp viết, ký ra. Tổng cộng nợ hui của 02 dây hui bà N yêu cầu là 140.000.000 đồng (Bao gồm vốn và lãi hui), nay bà N yêu cầu trả vốn hui số tiền 98.500.000 đồng thì bà D đồng ý và sẽ trả khi có đủ điều kiện.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Tố V: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông V để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng ông V không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông V đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn bà Hồ Hoàng D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Tố V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông V.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Hồng N về việc đòi bị đơn bà Hồ Hoàng D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Tố V trả nợ hui số tiền 98.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn bà Hồ Hoàng D thừa nhận còn nợ tiền hui nguyên đơn bà Trần Hồng N số tiền 98.500.000 đồng và đồng ý trả cho bà N số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Tố V từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do bà D thừa nhận còn nợ hui bà N số tiền 98.500.000 đồng nên bà N không phải chứng minh. Do bà D chưa trả cho bà N số tiền này nên cần buộc bà D trả cho bà N là phù hợp.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Tuy bà D và ông V đã ly hôn (Ly hôn sau khi đình hui) nhưng giao dịch hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà D và ông V, do đó khoản nợ là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng bà D và ông V đối với bà N. Do đó, cần buộc bà D và ông V trả nợ cho bà N là phù hợp.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 4.925.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Hồng N.

Buộc bà Hồ Hoàng D và ông Tăng Tố V trả cho bà Trần Hồng N số tiền 98.500.000 đồng (Chín mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Bà Hồ Hoàng D và ông Tăng Tố V phải chịu án phí số tiền 4.925.000 đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), chưa nộp.

- Bà Trần Hồng N không phải chịu án phí. Ngày 08/10/2024, bà N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.463.000 đồng (Hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tại biên lai thu số 0005665 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được nhận lại.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Hồ Hoàng D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Tố V có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà